

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ BÌNH

**QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT
TRONG ĐỒNG PHẠM**

Chuyên ngành : Luật hình sự

Mã số : 60 38 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2010

**Công trình đ- ợc hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Phạm Hồng Hải

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn đ- ợc bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2010.

**Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm t- liệu - Th- viện Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm t- liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bìa</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các bảng</i>			
MỞ ĐẦU	1		
<i>Ch- ong 1: Một số vấn đề lý luận về đồng phạm</i>	7		
1.1. Khái niệm, các đặc tr- ng cơ bản và ý nghĩa của đồng phạm	7		
1.1.1. Khái niệm đồng phạm	7		
1.1.2. Đặc tr- ng cơ bản của đồng phạm	13		
1.1.3. ý nghĩa của khái niệm đồng phạm	16		
1.2. Những loại ng- ời đồng phạm	17		
1.2.1. Ng- ời thực hành	18		
1.2.2. Ng- ời tổ chức	21		
1.2.3. Ng- ời xúi giục	23		
1.2.4. Ng- ời giúp sức	25		
1.3. Các hình thức đồng phạm	27		
<i>Ch- ong 2: Một Số Vấn đề lý luận chung về quyết định hình phạt</i>	32		
2.1. Khái niệm và ý nghĩa của quyết định hình phạt	32		
2.1.1. Khái niệm quyết định hình phạt	32		
2.1.2 ý nghĩa của quyết định hình phạt	37		
2.2. Các nguyên tắc quyết định hình phạt	39		
2.2.1. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quyết định hình phạt	40		
2.2.2. Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa trong quyết định hình phạt	42		
2.2.3. Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong quyết định hình phạt	43		
2.2.4. Nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt	45		
2.3. Các căn cứ quyết định hình phạt	47		
2.3.1. Các quy định của Bộ luật hình sự	48		
2.3.2. Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội	50		
2.3.3. Nhân thân ng- ời phạm tội	53		
2.3.4. Những tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự	55		
<i>Ch- ong 3: Quyết định hình phạt trong đồng phạm và thực tiễn áp dụng</i>	58		
3.1. Nguyên tắc và các căn cứ quyết định hình phạt trong đồng phạm	58		
3.1.1. Các nguyên tắc của quyết định hình phạt trong đồng phạm	58		
3.1.2. Các căn cứ quyết định hình phạt trong đồng phạm	66		
3.2. Thực tiễn quyết định hình phạt trong đồng phạm	74		
3.3. Hoàn thiện chế định quyết định hình phạt trong đồng phạm	86		
KẾT LUẬN	91		
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	93		

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được về mọi mặt của đời sống xã hội thì vẫn còn tồn tại không ít những hiện tượng tiêu cực. Tình hình tội phạm vẫn diễn biến phức tạp, chưa có chiều hướng giảm, số lượng các vụ án hình sự mà các tòa án phải thụ lý, giải quyết tăng hơn, trong đó có nhiều vụ án lớn và ngày càng phức tạp, nghiêm trọng. Thực tiễn cho thấy, tội phạm được thực hiện thông qua hình thức đồng phạm đang có xu hướng gia tăng. Tính chất nguy hiểm, phức tạp và hậu quả của nó gây ra cho xã hội ngày càng cao. Việc Bộ luật hình sự năm 1999 tiếp tục ghi nhận chế định đồng phạm trong đó có các quy định cụ thể về đồng phạm đánh dấu một bước phát triển về chất trong hoạt động lập pháp hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng chế định đồng phạm trong hoạt động tố tụng nói chung và hoạt động xét xử nói riêng thì thấy còn có nhiều vấn đề bất cập, đặc biệt là vấn đề quyết định hình phạt trong đồng phạm. Quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn một hình phạt cụ thể để áp dụng đối với người phạm tội. Khi quyết định hình phạt trong đồng phạm, nhiều Tòa án đã gặp không ít khó khăn do một số quy định về quyết định hình phạt còn mang tính khái quát cao, chưa chặt chẽ, một số quy định khác còn chưa theo kịp tiến trình phát triển của đời sống kinh tế xã hội... Chính những hạn chế này đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc nâng cao hiệu quả của hình phạt. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống đề tài "*Quyết định hình phạt trong đồng phạm*", làm rõ hơn về mặt lý luận nhằm góp phần vào việc hoàn chỉnh hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam là yêu cầu cấp thiết, đáp ứng quá trình hội nhập, hợp tác quốc tế, đặc biệt khi Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở nước ta, cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về các nội dung liên quan đến chế định đồng phạm, chế định quyết định hình phạt. Đáng chú ý là những công trình sau:

- *Vấn đề pháp lý của quy phạm "nguyên tắc quyết định hình phạt" tại Điều 37 Bộ luật hình sự Việt Nam (Một số vấn đề lý luận-thực tiễn và hoàn thiện pháp luật)*, của TSKH. Lê Cẩm, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1+2/1989.

- *Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm (Chương VII "Quyết định hình phạt"*, trong sách: "Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 - Tập 1 phần chung" do TS. Ông Chu Lưu chủ biên, Nxb Chính trị Quốc gia, 2001.

- *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, của D-ông Tuyết Miên, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2003.

- *Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm (Mục VI, Chương XIII "Quyết định hình phạt"*, trong sách: "Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 - Phần chung", của ThS. Đinh Văn Quế, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.

- *Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm (Mục VI, Chương XIX "Quyết định hình phạt"*, trong sách: "Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung" của Trung tâm đào tạo từ xa - Đại học Huế, do TS.Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Giáo dục, 2001.

- *Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm (Chương XVI "Quyết định hình phạt"*, của ThS. Trịnh Quốc Toàn, trong sách: "Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung" (tái bản lần thứ nhất), do TSKH Lê Cẩm chủ biên, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2003.

Các công trình nghiên cứu khoa học trên đã đề cập và giải quyết nhiều vấn đề bức xúc mà lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đặt ra. Tuy nhiên, các công trình này mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu chế định đồng phạm, chế định quyết định hình phạt một cách riêng lẻ. Có một số công trình đề cập đến mối liên hệ giữa hai chế định này nhưng chỉ được xem xét mối liên hệ giữa hai chế định này như khối kiến thức cơ bản ở một phần, một mục trong các giáo trình giảng dạy, một chương của sách chuyên khảo hay một phần của luận văn, luận án mà chưa có công trình nào đề cập đến việc nghiên cứu với đúng tên gọi "*Quyết định hình phạt trong đồng phạm*" một cách có hệ thống, toàn diện ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học.

Là ng-ời công tác trong ngành tòa án, có điều kiện nắm bắt tình hình tội phạm cũng nh- tiếp xúc với thực tiễn công tác xét xử, tôi thấy tình hình tội phạm đ-ợc thực hiện d-ới hình thức đồng phạm có diễn biến phức tạp và xu h-ớng ngày càng gia tăng không chỉ về số vụ mà cả về tính chất, mức độ nghiêm trọng, hậu quả thiệt hại..., gây ảnh h-ởng xấu đến tình hình trật tự và an toàn xã hội. Bởi vậy, tôi đã chọn đề tài "**Quyết định hình phạt trong đồng phạm**" để viết luận văn thạc sĩ.

3. Mục đích nghiên cứu, đối t-ợng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Tr-ớc yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm nói chung, đặc biệt là những tội phạm đ-ợc thực hiện bằng hình thức đồng phạm, Luận văn này nhằm mục đích làm rõ hơn, cụ thể hơn về mặt lý luận những vấn đề quyết định hình phạt trong vụ án đồng phạm, góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả của quyết định hình phạt trong vụ án hình sự có đồng phạm.

3.2. Đối t-ợng nghiên cứu

Đối t-ợng nghiên cứu của luận văn này nghiên cứu quyết định hình phạt trong vụ án hình sự có đồng phạm mà cụ thể là các vấn đề nh- :

- Một số vấn đề chung về đồng phạm;
- Một số vấn đề chung về quyết định hình phạt;
- Nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm;
- Các căn cứ quyết định hình phạt trong đồng phạm;
- Kiến nghị và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc quyết định hình phạt trong đồng phạm;
- Việc áp dụng các quy định về quyết định hình phạt trong đồng phạm trong thực tiễn xét xử.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu quyết định hình phạt trong đồng phạm d-ới góc độ luật hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999.

4. Cơ sở lý luận và ph- ơng pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, t- t- ờng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà n- ớc ta về đấu tranh phòng và chống tội phạm, về tính nhân đạo của pháp luật, cũng nh- thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý nh- : lịch sử pháp luật, lý luận về nhà n- ớc và pháp luật, xã hội học pháp luật, luật hình sự, tội phạm học, luật tố tụng hình sự và triết học, những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên tạp chí của một số nhà khoa học luật hình sự.

4.2. Ph- ơng pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các ph- ơng pháp tiếp cận để làm sáng tỏ vấn đề t- đó sử dụng các ph- ơng pháp nghiên cứu nh- : lịch sử, so sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê;... Đồng thời, việc nghiên cứu đề tài còn dựa vào các văn bản pháp luật của Nhà n- ớc và những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo của thực tiễn xét xử thuộc lĩnh vực pháp luật hình sự do Tòa án nhân dân tối cao hoặc của các cơ quan bảo vệ pháp luật ở trung - ơng ban hành có liên quan đến nội dung của đề tài, những số liệu thống kê, tổng kết hàng năm trong các báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và địa ph- ơng... để phân tích, tổng hợp các luận chứng, các vấn đề đ- ợc nghiên cứu trong luận văn.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận văn

Luận văn hoàn thành sẽ là chuyên khảo nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống và đồng bộ những vấn đề lý luận và thực tiễn về quyết định hình phạt trong vụ án hình sự có đồng phạm. Trong luận văn này, tác giả đã giải quyết về mặt lý luận những vấn đề sau:

- Phân tích một cách có hệ thống và toàn diện những vấn đề lý luận về chế định nh- : (1) Một số vấn đề chung về đồng phạm bao gồm: khái niệm, đặc tr- ng cơ bản và ý nghĩa của đồng phạm; những loại ng- ời đồng phạm; các hình thức đồng phạm. (2) Một số vấn đề chung về quyết định hình

phạt; các nguyên tắc của quyết định hình phạt; các căn cứ quyết định hình phạt.

- Nguyên tắc và các căn cứ quyết định hình phạt trong đồng phạm;
- Thực tiễn quyết định hình phạt trong đồng phạm;
- Một số kiến giải lập pháp nhằm hoàn thiện chế định quyết định hình phạt trong đồng phạm, đề xuất các hướng hoàn thiện pháp luật hình sự, các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm có đồng phạm.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Đây là đề tài nghiên cứu chuyên khảo đề cập một cách có hệ thống và toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn về quyết định hình phạt trong vụ án hình sự có đồng phạm theo luật hình sự Việt Nam ở cấp độ luận văn thạc sỹ luật học. Trong quá trình hoàn thành luận văn, tác giả đã đi- a ra những kết quả nghiên cứu trong các tạp chí khoa học pháp lý, kết quả nghiên cứu của một số nhà khoa học pháp lý.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn góp phần vào việc quyết định hình phạt trong đồng phạm của cơ quan Tòa án, cũng như đi- a ra các kiến nghị hoàn thiện các quy phạm của chế định quyết định hình phạt trong vụ án hình sự có đồng phạm trong lĩnh vực lập pháp, cũng như việc áp dụng chúng trong thực tiễn; góp phần cá thể hóa hình phạt và cá thể hóa tội phạm. Luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo trong lĩnh vực pháp luật, cũng như phục vụ cho công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự trong việc đấu tranh phòng và chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo ng- ời phạm tội ở n- ớc ta hiện nay.

ở chừng mực nhất định có thể khẳng định rằng, đây là nghiên cứu chuyên khảo đồng bộ đầu tiên về quyết định hình phạt trong đồng phạm ở cấp độ Luận văn thạc sỹ. quyết định. Đồng thời tác giả luận văn còn chỉ ra những v- ướng mắc, tồn tại trong thực tiễn áp dụng chế định này, trên cơ sở đó

đ- a ra một số kiến giải nhằm hoàn thiện chế định quyết định hình phạt trong đồng phạm

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về đồng phạm.

Chương 2: Một số vấn đề lý luận chung về quyết định hình phạt.

Chương 3: Quyết định hình phạt trong đồng phạm, thực tiễn áp dụng.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐỒNG PHẠM

1.1. Khái niệm, các đặc trưng cơ bản và ý nghĩa của đồng phạm

1.1.1. Khái niệm đồng phạm

Trong khoa học pháp lý hiện nay, có nhiều quan điểm về khái niệm đồng phạm. Trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 thì chương a có một căn bản pháp luật hình sự nào quy định thống nhất về khái niệm đồng phạm đối với tội phạm nói chung. Để có cơ sở pháp lý thống nhất cho việc xử lý về hình sự đối với những trường hợp nhiều người có ý cùng thực hiện một tội phạm, Bộ luật hình sự đã có điều luật riêng quy định về đồng phạm. Khoản 1 Điều 20 Bộ luật hình sự 1999 quy định đồng phạm là trường hợp "có hai người trở lên có ý cùng thực hiện một tội phạm".

Tuy nhiên, đối góc độ khoa học luật hình sự chúng tôi có thể đi- a ra định nghĩa khoa học về khái niệm đồng phạm như sau: "đồng phạm là hình thức phạm tội do có ý đi- ợc thực hiện với sự có ý cùng tham gia của hai người trở lên".

1.1.2. Đặc trưng cơ bản của đồng phạm

Tội phạm đi- ợc coi là đồng phạm đòi hỏi phải có những dấu hiệu đặc trưng và bắt buộc sau:

a. Những dấu hiệu khách quan

Thứ nhất, có sự tham gia của hai ng-ời trở lên thực hiện một tội phạm. Đây là dấu hiệu bắt buộc thuộc về mặt khách quan của đồng phạm, nếu thiếu về số l-ợng ng-ời tham gia thực hiện một tội phạm thì sẽ không có cấu thành đồng phạm. Tội phạm do một ng-ời thực hiện chỉ là tr-ờng hợp phạm tội riêng lẻ, cấu thành tội phạm độc lập, hậu quả phạm tội là do hành động và ý chí của một ng-ời gây ra.

Thứ hai, có sự cùng chung hành động của ng-ời tham gia vào việc thực hiện một tội phạm. Cùng tham gia thực hiện tội phạm có nghĩa là trong đồng phạm, mỗi ng-ời phải có hành vi tham gia vào việc thực hiện tội phạm hoặc là hành vi trực tiếp thực hiện hoặc là hành vi tổ chức hoặc là hành vi xúi giục hoặc là hành vi giúp sức. Những hành vi có tính nguy hiểm cho xã hội đáng kể của họ đ-ợc thực hiện trong mối liên kết thống nhất, qua lại lẫn nhau.

b. Những dấu hiệu chủ quan

Thứ nhất, có sự cùng cố ý của những ng-ời tham gia thực hiện tội phạm. Nếu thiếu dấu hiệu này thì mặc dù hành vi của những ng-ời phạm tội thoả mãn dấu hiệu khách quan ở trên cũng sẽ không có đồng phạm mà chỉ là hình thực nhiều ng-ời cùng phạm một.

Thứ hai, có mục đích trong đồng phạm. Với những tội phạm luật hình sự quy định mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm thì những ng-ời đồng phạm phải có mục đích phạm tội đó. Nếu không thoả mãn dấu hiệu cùng mục đích phạm tội thì sẽ không có đồng phạm. Đối với những tội phạm mà mục đích và động cơ không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm thì khi tham gia vào việc thực hiện tội phạm, những ng-ời đồng phạm có thể có những mục đích và động cơ khác nhau.

1.1.3. Ý nghĩa của khái niệm đồng phạm

Chế định đồng phạm nói chung và khái niệm đồng phạm nói riêng lần đầu tiên đ-ợc quy định trong luật hình sự của n-ớc ta có ý nghĩa về mặt lập pháp hết sức to lớn. Nó đánh dấu sự tr-ởng thành về kỹ thuật lập pháp hình sự của n-ớc ta.

Khái niệm đồng phạm có ý nghĩa thống nhất về mặt nhận thức trong nghiên cứu lý luận cũng nh- trong thực tiễn xét xử.

Khái niệm đồng phạm còn có ý nghĩa trong việc xác định tính chất nguy hiểm cho xã hội của đồng phạm khi so sánh với các hình thức phạm tội khác nh- hình thức phạm tội riêng lẻ, hình thức phạm tội do nhiều ng-ời thực hiện nh- ng không có đồng phạm.

Khái niệm đồng phạm có ý nghĩa là một trong những cơ sở để thực hiện nhiều chế định của luật tố tụng hình sự.

Ngoài ra, khái niệm đồng phạm còn có ý nghĩa là cơ sở cho một số ngành khoa học pháp lý có liên quan đến khoa học luật hình sự nh- tội phạm học, tâm lý học t- pháp.

1.2. Những loại ng-ời đồng phạm

1.2.1. Ng-ời thực hành

Bộ luật hình sự năm 1999 tại khoản 2 Điều 20 quy định: "*Ng-ời thực hành là ng-ời trực tiếp thực hiện tội phạm*". Ng-ời trực tiếp thực hiện tội phạm đ-ợc hiểu ở hai dạng sau:

Dạng thứ nhất: đó là những ng-ời tự mình trực tiếp thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đ-ợc mô tả trong cấu thành tội phạm cụ thể.

Dạng thứ hai: đó là những ng-ời không trực tiếp thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đ-ợc mô tả trong cấu thành tội phạm nh- ng lợi dụng hoặc sử dụng ng-ời khác để ng-ời này trực tiếp thực hiện hành vi khách quan gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội.

1.2.2. Ng-ời tổ chức

Theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 thì: "*ng-ời tổ chức là ng-ời chủ m- u, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm*".

Ng-ời chủ m- u: là ng-ời chủ động về mặt tinh thần gây ra tội phạm, có sáng kiến thành lập các băng, nhóm tội phạm, đề xuất những âm m- u và vạch ra đ-ờng lối, ph-ơng h-ớng hoạt động chung cho tổ chức, kích động, thúc đẩy đồng bọn hoạt động.

Ng-ời cầm đầu: là ng-ời đứng ra thành lập các băng, ổ, nhóm tội phạm, hoặc tham gia soạn thảo kế hoạch, ph-ơng h-ớng chính cho tổ chức phát triển và hoạt động hoặc các kế hoạch để thực hiện tội phạm.

Ng-ời chỉ huy: là ng-ời giữ vai trò trực tiếp điều khiển việc thực hiện tội phạm cụ thể của đồng bọn trong băng, ổ nhóm phạm tội; trực tiếp đôn đốc đồng bọn làm theo mệnh lệnh của mình hay theo kế hoạch phạm tội đã định sẵn.

1.2.3. Ng-ời xúi giục

Khoản 2 Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: "*Ng-ời xúi giục là ng-ời kích động, dụ dỗ, thúc đẩy ng-ời khác thực hiện tội phạm*".

Xúi giục là hành vi tác động đến t- t-ớng ng-ời khác, làm xuất hiện ý thức phạm tội và thúc đẩy thực hiện ý định đó. Ng-ời xúi giục là ng-ời nghĩ ra việc phạm tội và thúc đẩy cho tội phạm đó đ- ợc thực hiện thông qua ng-ời khác.

1.2.4. Ng-ời giúp sức

Bộ luật hình sự năm 1999 tại khoản 2 Điều 20 quy định: "*Ng-ời giúp sức là ng-ời tạo ra những điều kiện tinh thần hay vật chất cho việc thực hiện tội phạm*".

Ng-ời giúp sức chỉ là ng-ời tạo ra những điều kiện thuận lợi, dễ dàng cho ng-ời thực hành thực hiện tội phạm chứ ng-ời giúp sức không trực tiếp thực hiện tội phạm. Hành vi giúp sức th- ờng đ- ợc thực hiện bằng hành động hoặc không hành động; có thể đ- ợc thực hiện tr- ớc hoặc trong khi tội phạm đang xảy ra.

1.3. Các hình thức đồng phạm

Căn cứ vào dấu hiệu khách quan, hình thức đồng phạm đ- ợc chia thành hai loại:

Đồng phạm giản đơn là hình thức đồng phạm trong đó những ng-ời cùng tham gia vào việc thực hiện tội phạm đều có vai trò là ng-ời thực hành. Những ng-ời đồng phạm không có sự tính toán và chuẩn bị kỹ càng, chu đáo.

Đồng phạm phức tạp là hình thức đồng phạm có sự phân công vai trò của những ng-ời cùng tham gia thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của những ng-ời đồng phạm không những khác nhau ở nội dung phạm tội và hình thức phạm tội mà còn khác nhau về thời gian, địa điểm phạm tội.

Căn cứ vào dấu hiệu chủ quan, chia các hình thức đồng phạm thành hai loại:

Đồng phạm không có thông m- u tr- ớc là hình thức đồng phạm trong đó không có sự thoả thuận, bàn bạc với nhau tr- ớc giữa những ng-ời đồng phạm hoặc có sự bàn bạc, thoả thuận với nhau tr- ớc nh- ng không đáng kể.

Đồng phạm có thông m- u tr- ớc là hình thức đồng phạm có sự thoả thuận, bàn bạc tr- ớc với nhau về tội phạm cùng thực hiện tr- ớc khi hoạt động tội phạm.

Căn cứ vào những đặc điểm về mặt khách quan và chủ quan, đồng phạm đ- ợc chia thành hai loại:

Đồng phạm có tổ chức là hình thức phạm tội có sự cấu kết chặt chẽ của những ng-ời cùng tham gia vào việc thực hiện tội phạm hoặc của các thành viên cùng một tổ chức tội phạm.

Đồng phạm th- ờng là hình thức đồng phạm không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những ng-ời cùng tham gia thực hiện tội phạm.

Chương 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT

2.1. Khái niệm và ý nghĩa của quyết định hình phạt

2.1.1. Khái niệm quyết định hình phạt

Quyết định hình phạt là một giai đoạn rất quan trọng, một nội dung của quá trình áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc tòa án căn cứ vào các tình tiết cụ thể của vụ án để lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể đ- ợc quy định trong điều luật theo một thủ tục nhất định áp dụng đối với ng-ời phạm tội thể hiện trong bản án buộc tội.

2.1.2. ý nghĩa của quyết định hình phạt

- Quyết định hình phạt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị-xã hội và pháp lý. Quyết định hình phạt góp phần củng cố và giữ vững pháp chế, trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

- Quyết định hình phạt đúng là cơ sở pháp lý đầu tiên để đạt đ-ợc mục đích của hình phạt: trừng trị và giáo dục.

- Quyết định hình phạt đúng là cơ sở quan trọng để có thể nâng cao hiệu quả của hình phạt.

2.2. Các nguyên tắc quyết định hình phạt

2.2.1. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quyết định hình phạt

Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa là một nguyên tắc quan trọng và cơ bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nói đến pháp chế là nói đến sự triệt để tuân thủ pháp luật của Nhà n-ớc, các tổ chức xã hội và công dân.

2.2.2. Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa trong quyết định hình phạt

Nguyên tắc nhân đạo khi quyết định hình phạt thể hiện ở chỗ luật hình sự n-ớc ta quy định các quy phạm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với những ng-ời phạm tội ít nguy hiểm cho xã hội và những ng-ời phạm tội lần đầu, những ng-ời thật thà khai báo, tố giác đồng bọn, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi th-ờng thiệt hại đã gây ra. Nguyên tắc nhân đạo còn thể hiện ở việc hạn chế sự trừng trị.

2.2.3. Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong quyết định hình phạt

Cá thể hóa hình phạt là một trong những nguyên tắc quan trọng của chế định hình phạt và là nguyên tắc đặc thù của quyết định hình phạt. Khi quyết định hình phạt, tòa án phải cân nhắc tất cả các tình tiết có trong vụ án để đánh giá chính xác tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; những đặc điểm thuộc về nhân thân ng-ời phạm tội.

2.2.4. Nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt

Nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt đ-ợc hiểu là hình phạt phải phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, không phân biệt giới tính, dân tộc, địa vị kinh tế, tôn giáo, tín ng-ỡng, thành phần

xuất thân, tình trạng tài sản của ng-ời phạm tội... hình phạt càng phù hợp với hành vi phạm tội thì nguyên tắc công bằng càng đ-ợc thực hiện triệt để.

Tóm lại, các nguyên tắc quyết định hình phạt là các nguyên tắc đặc thù cho quá trình quyết định hình phạt, định h-ớng cho hoạt động của tòa án để quyết định hình phạt đúng đắn cho ng-ời phạm tội. Các nguyên tắc quyết định hình phạt tuy đặc thù cho quá trình quyết định hình phạt nh-ng chúng vẫn nằm trong thể thống nhất với các nguyên tắc của luật hình sự. Cùng với các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự, các nguyên tắc quyết định hình phạt có ý nghĩa lớn không những trong việc quyết định hình phạt nói riêng mà còn có ý nghĩa trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

2.3. Các căn cứ quyết định hình phạt

Các căn cứ quyết định hình phạt là những đòi hỏi cơ bản có tính nguyên tắc do luật hình sự quy định hoặc do giải thích luật mà có, buộc Tòa án phải tuân theo khi quyết định hình phạt đối với ng-ời thực hiện tội phạm.

2.3.1. Các quy định của Bộ luật hình sự

Đây là một căn cứ có tính bao trùm, căn cứ này bảo đảm cho việc thực hiện nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động xét xử của tòa án. Khi quyết định hình phạt tòa án cần phải căn cứ vào tất cả các quy định của Bộ luật hình sự ở dạng thống nhất, tổng thể của chúng và phải cân nhắc chỉ rõ trong bản án những quy định của Bộ luật hình sự có liên quan trực tiếp đến việc quyết định một hình phạt cụ thể đối với một bị cáo cụ thể.

2.3.2. Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội

Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là một trong những căn cứ quan trọng của việc quyết định hình phạt. Có nhiều tình tiết, dấu hiệu ảnh h-ớng đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện. Bởi vậy, tòa án phải cân nhắc tổng thể các tình tiết, dấu hiệu đó mới bảo đảm cho việc quyết định một hình phạt công bằng, hợp lý đối với bị cáo.

2.3.3. Nhân thân ng-ời phạm tội

Những đặc điểm thuộc về nhân thân ng-ời phạm tội phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của họ. Cân nhắc những đặc điểm này để quyết định hình phạt giúp cho tòa án lựa chọn đ-ợc loại hình phạt cụ thể sao cho loại hình phạt đó có tính thực

tế, tính khả thi, phù hợp với các quy định của luật hình sự và tạo điều kiện, khả năng lớn nhất để đạt được mục đích cải tạo, giáo dục ng-ời phạm tội.

2.3.4. Những tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc khi quyết định hình phạt là những tình tiết khác nhau về tội phạm đã thực hiện, về nhân thân ng-ời phạm tội được quy định cụ thể trong luật hoặc quy định cụ thể trong luật nh-ng được tòa án cân nhắc với ý nghĩa làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với ng-ời phạm tội. Các tình tiết giảm nhẹ đó được quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được cân nhắc khi quyết định hình phạt là những tình tiết khác nhau về tội phạm đã thực hiện, về nhân thân ng-ời phạm tội được quy định cụ thể trong luật có ý nghĩa làm tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với ng-ời phạm tội. Các tình tiết tăng nặng đó được quy định ở Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Nh- vậy, các căn cứ quyết định hình phạt là những cơ sở pháp lý được quy định trong Bộ luật hình sự hiện hành mà tòa án phải tuân thủ khi quyết định hình phạt cho ng-ời phạm tội, bao gồm: các quy định của Bộ luật hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân ng-ời phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Chương 3

Quyết định hình phạt trong đồng phạm
và thực tiễn áp dụng

3.1 Nguyên tắc và các căn cứ quyết định hình phạt trong đồng phạm

Quyết định hình phạt trong đồng phạm ngoài việc tuân thủ các quy định của quyết định hình phạt nói chung, tòa án còn phải tuân thủ các nguyên tắc đặc thù của quyết định hình phạt trong đồng phạm và quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự.

3.1.1 Các nguyên tắc của quyết định hình phạt trong đồng phạm

- Nguyên tắc tất cả những ng-ời đồng phạm phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm đã thực hiện

- Nguyên tắc mỗi ng-ời đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện đồng phạm

- Nguyên tắc cá thể hoá hình phạt của những ng-ời đồng phạm

3.1.2. Các căn cứ quyết định hình phạt trong đồng phạm

- Khi quyết định hình phạt đối với những ng-ời đồng phạm, Tòa án phải cân nhắc tính chất của đồng phạm.

- Khi Tòa án quyết định hình phạt đối với những ng-ời đồng phạm phải căn cứ vào tính chất tham gia hành động phạm tội của từng ng-ời đồng phạm.

- Khi quyết định hình phạt đối với từng ng-ời đồng phạm, tòa án phải cân nhắc những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự của từng ng-ời đó.

3.2. Thực tiễn quyết định hình phạt trong đồng phạm

Qua công tác xét xử của Tòa án các cấp cho thấy tình hình tội phạm vẫn có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, thủ đoạn phạm tội tinh vi, xảo quyệt, nguy hiểm; những ng-ời chủ mưu khống chế đồng phạm, ràng buộc nhau chặt chẽ, cấu kết với cán bộ trong các cơ quan nhà nước đã tha hoá biến chất. Dưới đây là số liệu thống kê tổng kết công tác xét xử các loại vụ án hình sự qua các năm 2005 - 2009 và số liệu khảo sát từ 500 bản án mà tác giả đã nghiên cứu trong đó có 239 vụ án đồng phạm.

Bảng 3.1: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao về tổng kết công tác xét xử các loại vụ án qua các năm 2005 - 2009

Năm	Số vụ án đã thụ lý	Số vụ án đã giải quyết	Tỷ lệ %	Các vụ án tăng so với năm tr-ước
2005	61.813	60.483	97,8%	
2006	64.318	63.040	98,1%	2.205 vụ
2007	66.919	65.462	97,8%	2.601 vụ
2008	69.048	68.072	98,5%	2.129 vụ
2009	70.734	69.452	98,1%	1.686 vụ

Bảng 3.2: Số lượng các vụ án có đồng phạm

TT	Nhóm tội phạm, loại tội phạm	Tỷ lệ % các vụ án có đồng phạm
1	Nhóm tội xâm phạm an ninh quốc gia	57 % (08/14 vụ)
2	Tội giết người (Điều 93)	44 % (11/25 vụ)
3	Tội cố ý gây thương tích (Điều 104)	33,3 % (06/18 vụ)
4	Tội hiếp dâm (Điều 111)	47,3 % (09/19 vụ)
5	Nhóm tội về tham nhũng	41,9 % (13/31 vụ)
6	Tội cướp tài sản (Điều 133)	38,9 % (07/18 vụ)
7	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139)	31,3 % (05/16 vụ)
8	Nhóm tội về ma túy	52,8 % (28/53 vụ)
9	Tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245)	61,3 % (08/13 vụ)
10	Tội trộm cắp tài sản (Điều 138)	37,5 % (12/32 vụ)

Như vậy, vụ án có đồng phạm chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong tổng số các vụ án. Sự tập trung sức lực, trí tuệ, sự phối hợp, tương trợ lẫn nhau giữa những kẻ phạm tội trong đồng phạm cho phép chúng không chỉ thực hiện tội phạm một cách thuận lợi mà trong nhiều trường hợp có thể gây ra những thiệt hại nghiêm trọng hơn, dễ dàng che dấu vết của tội phạm để tránh khỏi sự điều tra, phá án của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Trường tình hình này, tòa án các cấp đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, đẩy mạnh tiến độ xét xử các vụ án hình sự, đặc biệt là các vụ án có đồng phạm, chất lượng xét xử được nâng cao, đảm bảo xét xử đúng nguyên tắc, đúng pháp luật, hạn chế những sai sót. Các tòa án cấp sơ thẩm đã đưa hầu hết các vụ án ra xét xử đúng thời hạn luật định, chỉ trừ một số trường hợp đặc biệt, có lý do chính đáng. Nhiều tòa án đã tổ chức các phiên tòa xét xử tại nơi xảy ra tội phạm nhằm tuyên truyền, giáo dục pháp luật; tổ chức xét xử các vụ án lớn, trọng điểm, đặc biệt nghiêm trọng, rất phức tạp, kéo dài nhiều ngày. Các tòa án đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 49-NQ-TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; đảm bảo dân chủ đối với nguyên tố tham gia tố tụng; việc ra bản án đã căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và có chất lượng tốt hơn; trách nhiệm của hội đồng xét xử và của thẩm phán chủ tọa phiên tòa được nêu cao hơn trước. Bên cạnh những ưu điểm mà tòa án các cấp đã đạt được vẫn còn thiếu sót khi quyết định hình phạt, nhiều sai lầm nghiêm trọng khi quyết định hình phạt dẫn tới các vụ án bị hủy để xét xử lại theo trình tự giám đốc thẩm theo đúng quy của pháp luật.

Theo Bảng số liệu trên, đối với các tội có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội càng cao thì xu hướng có đồng phạm càng nhiều. Đòi hỏi việc cá thể hóa hình phạt và cá thể hóa tội phạm phải chính xác.

Quyết định hình phạt đúng không chỉ có tác dụng đối với nguyên tố phạm tội mà còn thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời còn đề cao được tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung. Nhìn chung, khi quyết định hình phạt, đặc biệt là quyết định hình phạt trong đồng phạm các Hội đồng xét xử đã nâng cao tinh thần trách nhiệm khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, động cơ, mục đích, hoàn cảnh, điều kiện và nhân thân nguyên tố phạm tội để quyết định hình phạt tương xứng. Chính vì vậy, các vụ án hình sự có kháng cáo, kháng nghị ngày càng có chiều hướng giảm. Tuy nhiên, vẫn có nhiều trường hợp quyết định hình phạt không đúng, trong đó đại đa số là quyết định hình phạt quá nhẹ và cho nguyên tố án treo không đúng quy định của pháp luật, số vụ án quyết định hình phạt quá nặng không nhiều. Việc xét xử quá nhẹ, cho nguyên tố án treo không đúng pháp luật cũng là một trong những nguyên nhân làm cho tỷ lệ các vụ án có kháng cáo giảm. Việc quyết định hình phạt không đúng có nhiều nguyên nhân nguyên nhân chủ yếu là không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật hình sự. Khi quyết định hình phạt, nhiều Tòa án đã không chú ý đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà chỉ chú ý đến các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng. Đáng lưu ý là việc áp dụng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ cũng thiếu căn cứ, không chính xác, nhiều Tòa án đã xác định cả những tình tiết không phải là tình tiết giảm nhẹ và không được quy định trong điều luật cũng như các văn bản hướng dẫn.

Một trong những thiếu sót khi quyết định hình phạt là áp dụng hình phạt quá nặng. áp dụng hình phạt quá nặng đối với nguyên tố phạm tội nói chung không phổ biến bởi bản chất của pháp luật hình sự là nhân đạo, hình phạt được áp dụng đối với nguyên tố phạm tội không nhằm mục đích gây nên những đau đớn về thể xác và hạ thấp nhân phẩm của con người. Tuy nhiên, trong một số trường hợp Tòa án đã đánh giá không đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án dẫn đến

bỏ sót một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự nên Tòa án đã áp dụng hình phạt quá nghiêm khắc đối với người phạm tội.

Ngược lại với việc áp dụng hình phạt quá nặng là *áp dụng hình phạt quá nhẹ đối với người phạm tội* khá phổ biến như các trường hợp sau. Những thiếu sót trong việc áp dụng hình phạt quá nhẹ, nguyên nhân không phải do Bộ luật hình sự quy định không rõ ràng hay hướng dẫn, mà chủ yếu Thẩm phán đánh giá không đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, không xác định đúng các tình tiết giảm nhẹ hoặc chỉ chú ý đến các tình tiết giảm nhẹ mà không chú ý đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không đánh giá đúng nhân thân người phạm tội.

3.3. Hoàn thiện chế định quyết định hình phạt trong đồng phạm

Chế định quyết định hình phạt trong đồng phạm là một trong những chế định quan trọng của Luật hình sự Việt Nam. Mặc dù Bộ luật hình sự đã sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn tạo điều kiện cho các cơ quan áp dụng pháp luật đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả. Tuy nhiên, một số quy phạm của chế định đồng phạm và chế định quyết định hình phạt nói riêng và quyết định hình phạt trong đồng phạm nói chung trong Bộ luật hình sự hiện hành, ở các mức độ khác nhau vẫn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót nhất định, gây khó khăn cho việc áp dụng pháp luật trong hoạt động thực tiễn.

Hiện nay chế định quyết định hình phạt trong đồng phạm vẫn tồn tại một số vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện như sau:

Một là, Bộ luật hình sự năm 1999 không đề cập đến việc xử lý hình sự đối với nhóm tội phạm có tổ chức. Trong những năm vừa qua, cộng đồng quốc tế đó chứng kiến sự gia tăng của những hành vi phạm tội do các nhóm tội phạm có tổ chức thực hiện như: khủng bố quốc tế, buôn lậu ma túy, buôn bán người..., gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cả về tài chính và con người ở hầu hết các nước trên thế giới. Cộng ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia mà nước ta đã ký ngày 13/12/2000 và đang chuẩn bị làm thủ tục phê chuẩn quy định nghĩa vụ của các quốc gia thành viên trong việc hình sự hoá hành vi tham gia vào các tổ chức tội phạm (Điều

5). Đặc biệt, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 xác định một trong những công việc chính phải làm cho đến năm 2010 là: Thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội tham nhũng, tội phạm có tổ chức hoạt động theo kiểu "xó hội đen".

Ở nước ta, trên thực tế cũng đã tồn tại một vài băng nhóm tội phạm mang tính chất xó hội đen, nhưng nhìn chung theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành về chế định đồng phạm (Điều 20) và chế định chuẩn bị phạm tội (Điều 17) thì khung thể xử lý hình sự được khi các băng nhóm này chưa có hành vi cụ thể chuẩn bị hoặc thực hiện một tội phạm cụ thể nào đó. Do vậy, xét từ góc độ phòng ngừa - ngăn chặn thì trong trường hợp này chúng ta thường bị động, phải theo dõi, chờ đợi cho đến khi các băng nhóm này có hành vi phạm tội cụ thể thì mới xử lý được. Bộ luật hình sự hiện hành chỉ có một điều duy nhất (Điều 79) quy định về tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, trong đó có đề cập đến việc xử lý hình sự đối với người hoạt động thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Quy định này nhằm tạo khả năng chủ động tấn công ngăn chặn sớm tội phạm, khung để cho tội phạm cũng như hậu quả của nó xảy ra. Để đáp ứng yêu cầu chủ động tấn công, ngăn chặn những băng nhóm tội phạm có tổ chức, góp phần thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp mà Đảng đã đề ra, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị lập pháp, bổ sung thêm vào Điều 20 và Điều 245 Bộ luật hình sự như sau:

"Điều 20a. Nhóm tội phạm có tổ chức

1. Nhóm tội phạm có tổ chức là một nhóm gồm ba người trở lên, được tổ chức và tồn tại trong một thời gian nhất định để thực hiện tội phạm.

2. Người thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm có tổ chức phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 245a Bộ luật này".

"Điều 245a. Tội thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm có tổ chức

1. Người nào thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm có tổ chức để thực hiện các tội khủng bố, rửa tiền, buôn bán người, sản xuất, mua bán

trở phốp chất ma túy hoặc cốc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khốc, thờ bị phạt như sau:

a) Người thành lập hoặc hoạt động đặc lực thờ bị phạt tự từ hai năm đến bảy năm;

b) Người tham gia thờ bị phạt cải tạo khung giam giữ đến ba năm hoặc phạt tự từ sáu tháng đến ba năm.

2. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm".

Hai là, Chế định đồng phạm chủ yếu đề cập trách nhiệm hình sự của ng- ời thực hành mà ch- a đi sâu vào vai trò của những ng- ời đồng phạm khác. Bộ luật còn đề cập đến việc "nghiêm trị kẻ chủ m- u" nh- ng qua thực tiễn cho thấy trong nhiều tr- ờng hợp ng- ời thực hành nhiều khi bị áp dụng mức hình phạt nặng hơn. Vì vậy, cần quy định rõ hơn về trách nhiệm hình sự của ng- ời thực hành, ng- ời xúi giục, ng- ời giúp sức, ng- ời chủ m- u.

Quy định rõ hơn trách nhiệm hình sự của những ng- ời xúi giục, ng- ời giúp sức trong vụ án đồng phạm. Theo chúng tôi cần quy định nh- sau:

Điều 20. Đồng phạm

1...

2...

Ng- ời xúi giục là ng- ời kích động, dụ dỗ, *lôi kéo, mua chuộc* thúc đẩy ng- ời khác thực hiện tội phạm.

Ng- ời giúp sức là ng- ời là ng- ời tạo những điều kiện tinh thần *nh- hứa hẹn tr- ớc việc che giấu ng- ời phạm tội, hứa hẹn tr- ớc về việc mua, bán, tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có* hoặc tạo những điều kiện về vật chất *nh- cung cấp công cụ, ph- ơng tiện* cho việc thực hiện tội phạm.

Ba là, qua thực tiễn xét xử chúng ta thấy có nhiều vụ án đồng phạm, khi áp dụng hình phạt các bị cáo chịu cùng khung khoản mà điều luật quy định. Đối với các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ thì theo quy định của pháp luật có thể đ- ọc áp dụng hình phạt nhẹ hơn nh- ng không thấp hơn mức hình phạt thấp nhất của khung liên kê mà điều luật quy định. Nh- vậy, trong thực tế có điểm bất hợp

lý. *Ví dụ* đối với các bị cáo bị kết án về tội "Tham ô" trong cùng vụ án đồng phạm. Các bị cáo này phạm tội đặc biệt nghiêm trọng có khung hình phạt cao nhất là chung thân hoặc tử hình. Tuy nhiên, trong đó có bị cáo tham gia với vai trò rất hạn chế so với các bị cáo khác (sửa 01 hóa đơn, không đ- ọc chia số tiền chiếm đoạt...) nh- ng vì đồng phạm nên bị áp dụng khung hình phạt nhẹ nhất là khoản 3 Điều 278 (từ m- ời lăm năm đến hai m- ời năm tù). Nh- vậy, nếu áp dụng hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành thì bị cáo bị áp dụng hình phạt quá cao so với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Mặt khác, nếu xử với mức hình phạt thấp, nhẹ quá thì không đúng với quy định của pháp luật hình sự. Qua thực tiễn làm công tác giám đốc thẩm các vụ án hình sự tôi nhận thấy có nhiều vụ án, hội đồng xét xử đã "xé rào", căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân ng- ời phạm tội để áp dụng mức hình phạt nhẹ hơn (từ ba đến năm năm tù). Nh- vậy, hội đồng xét xử đã cá thể hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt.

Bốn là, việc quyết định hình phạt đối với ng- ời thực hành và những ng- ời cùng thực hành trong vụ án đồng phạm giống với cơ sở để quyết định hình phạt trong tr- ờng hợp tội phạm do một ng- ời thực hiện, nghĩa là việc thực hiện hành vi thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đ- ọc quy định tại điều luật cụ thể Phân các tội phạm của Bộ luật hình sự. Do vậy, thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự n- ớc ta thừa nhận, khi áp dụng pháp luật đối với những ng- ời này không cần viện dẫn Điều 20 Bộ luật hình sự về đồng phạm. Còn cơ sở để quyết định hình phạt đối với những ng- ời đồng phạm khác (ng- ời tổ chức, ng- ời xúi giục, ng- ời giúp sức) là hành vi thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm trong sự kết hợp dấu hiệu của cấu thành tội phạm đ- ọc quy định tại điều luật về tội phạm cụ thể Phân các tội phạm của Bộ luật hình sự với dấu hiệu của đồng phạm quy định tại Điều 20 Bộ luật hình sự. Để bảo đảm tính khoa học của việc quyết định hình phạt của những ng- ời đồng phạm, chúng tôi đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 20 Bộ luật hình sự theo h- ớng quy định: khi viện dẫn điều luật để quyết định hình phạt của ng- ời thực hành và ng- ời cùng thực hành, không cần viện dẫn Điều 20 Bộ luật hình sự, còn đối với những ng- ời đồng phạm khác (ng- ời tổ chức, ng- ời xúi giục, ng- ời giúp sức) thì khi viện dẫn điều luật để quyết định hình phạt đối với họ, ngoài điều khoản quy

định về tội phạm cụ thể Phân các tội phạm của Bộ luật hình sự phải viện dẫn thêm Điều 20 Bộ luật hình sự quy định về đồng phạm.

Năm là, nên bổ sung vào Điều 20 Bộ luật hình sự về cơ sở của trách nhiệm hình sự của hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội ch- a đạt của những ng- ời đồng phạm theo h- óng quy định: Trong tr- òng hợp ng- ời thực hành không thực hiện tội phạm đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của những ng- ời đồng phạm khác thì những ng- ời đồng phạm khác có thể phải chịu trách nhiệm hình sự về việc chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội ch- a đạt.

Qua thực tiễn xét xử của tòa án các cấp ta nhận thấy tuy đã có nhiều tiến bộ nh- ng vẫn còn một số tồn tại, thiếu sót trong việc xét xử các vụ án hình sự và quyết định hình phạt trong vụ án có đồng phạm. Nguyên nhân chủ quan một phần do tinh thần trách nhiệm hoặc năng lực, nghiệp vụ chuyên môn của thẩm phán nói riêng và hội đồng xét xử nói chung. Do vậy, để nâng cao chất l- ợng xét xử và đảm bảo hình phạt đ- ợc áp dụng một cách công bằng, chính xác thì các thành viên hội đồng xét xử phải th- òng xuyên trau dồi kiến thức, chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp; thẩm phán và hội thẩm nhân dân phải th- òng xuyên cập nhật kiến thức mới, văn bản pháp luật mới. Thẩm phán phải thực sự công tâm khi xét xử để đảm bảo hình phạt đ- ợc tuyên đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật, đấu tranh với tiêu cực trong quá trình giải quyết vụ án. Phải xử lý nghiêm đối với tr- òng hợp cán bộ xét xử oan sai, phải xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên hội đồng xét xử để từ đó xử lý cho chính xác. Đối với những tr- òng hợp thành viên hội đồng xét xử do tiêu cực mà xét xử trái pháp luật thì phải truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý nghiêm minh tr- ớc pháp luật.

KẾT LUẬN

1. Đồng phạm và một hình thức thực hiện tội phạm đặc biệt mà trong đó hai ng- ời trở lên cùng thực hiện tội phạm. Do đó, khi tội phạm đ- ợc thực hiện bởi đồng phạm thì tội phạm đó thay đổi về chất và mang tính nguy hiểm cao hơn tội phạm riêng lẻ. Vì vậy, quyết định hình phạt trong đồng phạm là tr- òng hợp quyết định hình phạt đặc biệt, vừa phải tuân thủ quy định chung của chế định quyết định hình phạt, vừa phải tuân thủ quy định đặc thù của tr- òng hợp

đồng phạm. Việc nắm vững bản chất pháp lý của quyết định hình phạt sẽ giúp tòa án các cấp quyết định hình phạt trong thực tế đ- ợc đúng.

2. Quyết định hình phạt trong đồng phạm là việc tòa án lựa chọn một loại và mức hình phạt cụ thể với mức độ cụ thể không chỉ cho một bị cáo mà cho nhiều bị cáo trong vụ án về một hoặc nhiều tội mà họ cùng phạm. Quyết định hình phạt trong đồng phạm đúng không chỉ là cơ sở để đạt đ- ợc mục đích của hình phạt cũng nh- nâng cao hiệu quả của hình phạt mà còn góp phần củng cố pháp chế và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

3. Do tính chất đặc thù của đồng phạm là một hình thức thực hiện tội phạm đặc biệt mà trong đó hai ng- ời trở lên cùng thực hiện tội phạm nên nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt không giống với các tr- òng hợp phạm tội riêng lẻ. Quyết định hình phạt trong đồng phạm ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc chung của quyết định hình phạt còn phải tuân thủ các nguyên tắc đặc thù của quyết định hình phạt trong đồng phạm, các nguyên tắc đó bao gồm: Nguyên tắc tất cả những ng- ời đồng phạm phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm đã thực hiện; nguyên tắc mỗi ng- ời đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện vụ đồng phạm; nguyên tắc cá thể hòa hình phạt của những ng- ời đồng phạm. Các nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm tuy có những đặc điểm riêng đặc tr- ng trong quá trình quyết định hình phạt trong đồng phạm nh- ng chúng vẫn nằm trong thể thống nhất với các nguyên tắc của quyết định hình phạt cũng nh- các nguyên tắc của luật hình sự. Các nguyên tắc của quyết định hình phạt trong đồng phạm không chỉ có ý nghĩa rất lớn trong việc định h- óng trong hoạt động xét xử của tòa án để quyết định hình phạt đúng đắn cho ng- ời phạm tội mà còn có ý nghĩa to lớn trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm và giáo dục ý thức pháp luật cho nhân dân.

4. Khi quyết định hình phạt đối với những ng- ời phạm tội trong vụ án đồng phạm, ngoài việc tuân theo các nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm, tòa án còn phải dựa vào các căn cứ quyết định hình phạt đ- ợc quy định trong Bộ luật hình sự để tạo cơ sở pháp lý cho tòa án quyết định hình phạt đ- ợc đúng đắn. Các căn cứ quyết định hình phạt là cơ sở pháp lý đ- ợc quy định trong Bộ luật hình sự mà Tòa án tuân thủ khi quyết định hình phạt cho ng- ời phạm tội. Các căn cứ này bao gồm: tính chất của đồng phạm; tính chất,

mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia của từng ng-ời đồng phạm; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của riêng từng đồng phạm.

5. Qua thực tiễn áp dụng quy định về quyết định hình phạt trong đồng phạm cho thấy khi quyết định hình phạt đối với ng-ời phạm tội nói chung và đối với từng ng-ời đồng phạm nói riêng vẫn có nhiều thiếu sót nh- quyết định hình phạt còn quá nhẹ, áp dụng chế định án treo không đúng quy định pháp luật... Để khắc phục những thiếu sót này thì Bộ luật hình sự năm 1999 cần đ-ợc bổ sung thêm một số các quy định cũng nh- các h-ớng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao giúp cho việc xét xử đ-ợc thống nhất, quyết định hình phạt đ-ợc chính xác. Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả hoạt động quyết định hình phạt của tòa án thì công tác bồi d-ỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cũng nh- cải tiến ph-ơng pháp làm việc của các cán bộ xét xử giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Mặt khác, công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trong quần chúng nhân dân để nhân dân hiểu và tự giác tuân thủ pháp luật có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hỗ trợ cho hoạt động xét xử của tòa án thực sự có hiệu quả.